

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 486/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 01 – 10 – 2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hiến.
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị LNT, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp KA, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: Số 651, tổ 15, ấp MP, xã MD, huyện CP, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh DKN, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Số 258, tổ 10, ấp KA, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn chị Thương trình bày như sau: Năm 2006, chị Thương và anh chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010, vợ chồng cùng nhau đi làm tại tỉnh Long An, trong khoảng thời gian sinh sống ở Long An vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Nam không lo làm, thường xuyên uống rượu dẫn đến có hành vi bạo lực đối với chị Thương. Đến năm 2015, chị Thương mang thai con thứ hai thì phát hiện anh Nam có tình cảm với người phụ nữ khác, chị Thương đã cố gắng để tiếp tục chung sống nhưng không thể chung sống nên đã ly thân từ cuối năm 2016. Ngày 09/12/2018 anh Nam về thăm con và đã có hành vi đánh gây thương tích cho chị Thương phải nằm viện tại bệnh viện 115 ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Thương yêu cầu Tòa án giải

quyết cho chị ly hôn với anh DKN. Thời gian chung sống, vợ chồng có hai con chung tên DQT, sinh ngày 02/9/2006 và DTT, sinh ngày 04/6/2016. Khi ly hôn chị Thương yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nam nhưng anh Nam vẫn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Thương.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Thương vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Về quan hệ con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi con; quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nam: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Thương và anh Nam chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nam được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, về con chung. Từ khi vợ chồng ly thân, cả hai không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ, anh Nam không quan tâm cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thương.

+ Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống có 02 con chung là DQT, sinh ngày 02/9/2006 và DTT, sinh ngày 04/6/2016. Khi ly hôn chị Thương yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con, về điều kiện nuôi con thì chị Thương có đủ điều kiện nuôi con, con chung đang do chị Thương trực tiếp nuôi, nguyện vọng của Quê Trăn sống với chị Thương, con chung tên Thanh Tâm 04 tuổi, chị Thương có thu nhập ổn định, đảm bảo việc học tập của con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Thương trực tiếp nuôi, chị Thương không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nam vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp KA, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh Nam đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Chị Thương và anh Nam chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, chị Thương trình bày vào khoảng năm 2010 thì vợ chồng chung sống nhưng không hòa thuận, thường cãi nhau do anh Nam tham gia cờ bạc, bạo hành đối với chị Thương nhiều lần, không lo làm ăn cùng phát triển kinh tế gia đình; đến năm 2015 thì chị Thương phát hiện anh Nam có tình cảm với người phụ nữ khác từ đó vợ chồng sống ly thân. Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh Nam không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, cả hai đều không quan tâm cuộc sống vợ chồng, mặc dù anh Nam đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh, ban áp cung cấp thông tin vợ chồng chị Thương thời gian sinh sống tại địa phương có cãi vã nhau, thường xích mích, còn về mức độ mâu thuẫn thì không rõ, chị Thương ly thân với anh Nam thời gian đã lâu, không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa, chị Thương trình bày hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, vì anh Nam có hành vi đánh chị Thương gây thương tích nên chị không thể tiếp tục chung sống, cả hai không còn liên hệ nhau, chị Thương kiên quyết ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Thương và anh Nam vẫn không thể hòa thuận, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thương.

+ Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống có 02 con chung là DQT, sinh ngày 02/9/2006 và DTT, sinh ngày 04/6/2016. Khi ly hôn chị Thương yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con thì chị Thương có đủ điều kiện nuôi con, con chung đang do chị Thương trực tiếp nuôi, nguyện vọng con Quế Trân sống với chị Thương, chị Thương có thu

nhập ổn định, đảm bảo việc học tập của con; đối với Thanh Tâm 04 tuổi nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị Thương trực tiếp nuôi, chị Thương không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nam vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị Thương trực tiếp nuôi. Chị Thương không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Thương cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nam thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Thương phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0001110 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị LNT được ly hôn với anh DKN.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung DQT, sinh ngày 02/9/2006 và DTT, sinh ngày 04/6/2016 cho chị LNT trực tiếp nuôi.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị Thương không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Chị Thương cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nam thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị LNT phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0001110 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh

